| | |
|---|---|
| **TAND HUYỆN T** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TỈNH HƯNG YÊN** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 08/2017/HSST
Ngày: 20/ 4/2017

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Đào Văn Ngà và ông Nguyễn Thành Đô

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Hải Yến, Thư ký Toà án nhân dân huyện T

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Mạnh Hà.

Ngày 20 tháng 4 năm 2017, tại Hội trường UBND xã D, Tòa án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số số 06 /2017/HSST ngày 14 tháng 3 năm 2017 đối với bị cáo:

**Nguyễn Thị A - sinh năm: 1964**

Nơi sinh: Thôn L, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên

Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã C, huyện T , tỉnh Hưng Yên; trình độ văn hoá: 7/10; nghề nghiệp: trồng trọt; con ông L (đã chết) và bà T (đã chết); có chồng là Đ và 02 con, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1987.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn ‘’Cấm đi khỏi nơi cư trú’’ từ ngày 25/12/2016. Có mặt tại phiên toà.

**Người bị hại**:

Ông H, sinh năm 1949. “ Có mặt”

Trú tại: thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

## NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 19/11/2016, A và chồng là Đ ra bờ ao giáp ranh với diện tích đất của gia đình ông H ở cùng thôn để dọn dẹp, lấy mốc, đào móng xây tường rào ngăn cách diện tích đất giữa hai gia đình. Khi đi bị cáo A cầm theo 01 chiếc

liềm chuôi bằng gỗ dài 07cm, đường kính 3cm; phần lưỡi bằng kim loại cong nửa mặt trăng dài 30cm, bản lưỡi rộng 3cm đầu mũi nhọn để cắt cỏ bên bờ ao còn ông Đ cầm 01 chiếc cuốc cán bằng tre, lưỡi bằng kim loại để làm móng. Trong lúc căng dây đào móng, A bảo con dâu là H sang gọi bà T là vợ ông H ra để nhận mốc giới đất. Một lúc sau bà T đi ra vị trí bờ ao mà vợ chồng A đang căng dây đào móng. Bà T không đồng ý với việc căng dây chia mốc đất của vợ chồng bị cáo A nên hai bên xảy ra to tiếng cãi nhau. Ông H ở trong nhà nghe thấy to tiếng cãi nhau nên ra xem thế nào. Khi ra đến bờ ao, ông H thấy vợ chồng bị cáo A căng dây đào móng như vậy thì cho rằng đã lấn sang đất nhà mình nên ông H không đồng ý và dùng tay nhổ cọc căng dây ném đi. Thấy ông H nhổ dây cắm chia mốc giới đất mà mình vừa căng trước đó, ông Đ cầm cuốc đi đến chỗ ông H thì ông Đ và ông H giằng co nhau chiếc cuốc. Lúc này, A cầm liềm đi đến gần ông H rồi đứng từ phía sau bổ một nhát từ trên xuống trúng vào phần đầu bên trái phía trên tai ông H làm ông H bị thương. Sau đó mọi người vào can ngăn, ông H được đưa về nhà băng bó vết thương rồi chuyển lên Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà điều trị. Ông H có đơn đề nghị giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Ngày 25/12/2016, A đến Công an huyện T đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội của mình.

Giấy chứng nhận thương tích số 36/CNTT-HH ngày 19/11/2016 của bệnh viện Đa khoa Hưng Hà đối với thương tích của ông H xác định: Vùng đỉnh chẩm trái có vết thương do vật sắc nhọn gây ra.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 122/TgT ngày 02/12/2016 của phòng Giám định pháp y Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên đối với thương tích của ông H kết luận: Vết thương phần mềm vùng chẩm trái gây rách ra, chảy máu đã được điều trị; dọc vùng giữa chẩm trái có 01 sẹo nhẵn, bờ mép gọn, kích thước 1cm x 0,2cm; tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 02%; cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc nhọn gây nên.

Tại biên bản xác minh hiện trạng đất ngày 09/02/2017 thể hiện: Diện tích đất giáp ranh giữa gia đình bà A và gia đình ông H tuy có tranh chấp nhưng các bên chưa có đơn đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 chiếc liềm cắt cỏ cán bằng gỗ dài 7cm, đường kính 3cm, lưỡi liềm bằng kim loại cong hình nửa mặt trăng dài 30cm bản rộng 3cm, mũi liềm nhọn, là chiếc liềm bị cáo A sử dụng để gây thương tích cho ông H.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo A đã bồi thường cho ông H số tiền 2.000.000đ, ông H đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu, đề nghị gì về dân sự.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo A đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 06/QĐ-VKS-HS, ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố A về tội "Cố ý gây thương tích" được quy định tại khoản 1 điều 104 Bộ luật hình sự.

*Tại phiên toà hôm nay:* Bị cáo A thành khẩn nhận tội, khai nhận diễn biến hành vi phạm tội như cáo trạng của VKSND huyện T đã truy tố, nay bị cáo nhận thức rõ sai phạm của bản thân và đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000đ và đề nghị Toà án xét xử cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại ông H trình bày đã nhận 2.000.000đ tiền bồi thường của bị cáo A và xác định đây là tiền chi phí khám chữa thương tích tại bệnh viện. Ông yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp cho ông số tiền tổn thất về tinh thần do sức khoẻ bị xâm hại là 10.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố của mình và đề nghị HĐXX tuyên bố: Về tội danh và hình phạt: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự; điểm b,h,p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 31 BLHS năm 1999; Nghị quyết số 144/2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 tuyên phạt bị cáo A từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã C nơi bị cáo thường trú nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án; khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo A là 50.000đ/tháng; về trách nhiệm dân sự: áp dụng điều 584,585,590 BLDS: chấp nhận một phần yêu cầu của ông H tại phiên toà, buộc bị cáo phải bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khoẻ bị xâm hại cho ông H từ 1 đến 2 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

**Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị cho tịch thu tiêu hủy 01 chiếc liềm dài 37cm, lưỡi liềm bằng kim loại dài 30cm, bản lưỡi liềm rộng 03cm, mũi liềm nhọn là công cụ, phương tiện bị cáo A sử dụng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử sơ thẩm

## XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của bị cáo A tại cơ quan điều tra và tại phiên toà hôm nay về việc gây thương tích cho ông H ngày 19/11/2016 là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như đơn đề nghị và lời khai của ông H, lời khai của người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng; bản kết luận giám định pháp y về thương tích của ông H cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án…Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 09 giờ ngày 19/11/2016, tại vị trí giáp ranh giữa gia đình A và gia đình ông H , do mâu thuẫn trong việc tranh chấp mốc giới đất, A đã dùng một chiếc liềm cán bằng gỗ dài 7cm, đường kính 3cm, lưỡi bằng kim loại dài 30cm, bản rộng 3cm bổ một nhát vào đầu ông H. Hậu quả làm ông H bị thương với tỷ lệ tổn hại sức khoẻ là 02%.

A là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, giữa bị cáo với người bị hại có quen biết nhau nhưng chỉ vì mâu thuẫn trong việc tranh chấp mốc giới đất mà bị cáo đã dùng một chiếc liềm bổ một nhát vào đầu ông H gây thương tích với tỷ lệ tổn hại sức khoẻ là 02%.

Theo quy định tại điểm d tiểu mục 1 và tiểu mục 2.2 mục 2 phần I Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì lưỡi liềm cắt cỏ mà bị cáo A dùng để bổ vào đầu ông H được coi là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho ông H với tỉ lệ tổn hại sức khoẻ là 02%. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo về tôi " Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét hành vi của bị cáo đã phạm vào tội ít nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trong thôn xóm, hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường kỷ cương pháp luật của Nhà nước. Vì vậy, cần thiết phải xét xử nghiêm minh trước pháp luật để trừng trị, giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bản thân bị cáo đã tác động tới gia đình bồi thường để khắc phục hậu quả cho cho ông H với số tiền 2.000.000đ; sau khi phạm tội, bị cáo đã đầu thú tại cơ quan điều tra để hưởng sự khoan hồng của pháp luật; bị cáo đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của UBND xã C. Do đó, bị cáo

A được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999. Bên cạnh đó, bị cáo có bố, mẹ đẻ là người có công với cách mạng, được tặng thưởng nhiều huân chương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 thì không là một trong các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Nhưng theo quy định của BLHS năm 2015 thì đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS và được xác định là "*quy định có lợi cho người phạm tội*" theo quy định tại Nghị quyết 144/2016 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 như đề nghị của đại diện VKSND huyện T tại phiên toà hôm nay.

Bị cáo A là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS nên HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ sức giáo dục, răn đe riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

Theo xác minh tại địa phương nơi bị cáo cư trú thể hiện bị cáo làm nghề trồng trọt, mức thu nhập khoảng 500.000đ/ tháng và không thuộc diện hộ nghèo, không thuộc trường hợp đặc biệt  nên HĐXX xét thấy cần thiết phải áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập đối với bị cáo là 10%/ tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 31 BLHS.

Về xử lý vật chứng: Chiếc liềm cán bằng gỗ dài 7cm, đường kính 3cm, lưỡi bằng kim loại dài 30cm, bản rộng 3cm là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, giá trị rất nhỏ nên cần tịch thu cho tiêu huỷ.

**Về trách nhiệm dân sự:** Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo A đã bồi thường cho ông H số tiền 2.000.000đ. Tại phiên toà hôm nay, ông H đề nghị HĐXX  buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khoẻ bị xâm hại là 10.000.000. Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi bị thương tích, ông H chỉ đến bệnh viện Đa khoa Hưng Hà khâu rửa vết thương và chiếu chụp, sau đó về gia đình sinh hoạt bình thường mà không phải nằm viện điều trị. Theo bản kết luận giám định pháp y số 122 ngày 02/12/2016 của Phòng giám định pháp y bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên thể hiện vết thương do bị cáo gây ra cho ông H ở phần mềm vùng chẩm trái gây rách ra, chảy máu; tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định 02% và không ảnh hưởng đến thẩm mỹ nên chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của ông H, buộc bị cáo A phải bồi thường tổn thất về

tinh thần do sức khoẻ bị xâm hại cho ông H bằng một lần mức lương cơ sở (1.210.000đ) theo quy định tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật dân sự.

**Về án phí:** Bị cáo còn phải chịu án phí theo Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Luật phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo A phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 104; điểm b,h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 BLHS 1999; Nghị quyết số 144/QH16 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015; điều 584, 585,590 Bộ luật dân sự;

Xử phạt : Bị cáo A 12 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo A bằng 50.000đ

**Về trách nhiệm dân sự**: Chấp nhận một phần yêu cầu đòi bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khoẻ bị xâm hại của ông H, buộc bị cáo A phải bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khoẻ bị xâm hại cho ông H là 1.210.000đ (Một triệu, hai trăm, mười ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án và cơ quan THADS ra quyết định thi hành về khoản tiền khấu trừ thu nhập và tiền bồi thường thiệt hại, nếu bị cáo A không thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

**Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự cho:

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc liềm dài 37cm, lưỡi liềm bằng kim loại dài 30cm, bản lưỡi liềm rộng 03cm, mũi liềm nhọn.

(T*ình trạng số lượng vật chứng theo phiếu nhập kho ngày 03 /4/2017 giữa cơ quan Công an và Chi cục THADS huyện T)*

**Về án phí**: Bị cáo A phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự và 300.000đ án phí dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người bị hại. Đã báo cho những người trên biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Nguyễn Thị Hương**

***Nơi nhận:***
- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện ;
- Cơ quan ĐTCA huyện;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu hồ sơ.